

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/DS-ST
Ngày: 15-9-2023
Về việc tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhị.

2. Ông Nguyễn Hồng Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thường Ân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và ngày 15/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2023/TLST-DS ngày 03/7/2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2023/QĐXXST-DS ngày 07/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Y. Địa chỉ: Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Khánh V – Chuyên viên khách hàng – Phòng giao dịch huyện TH (Theo giấy ủy quyền ngày 08/9/2023). (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Hoàng Th, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp 2, xã TL, huyện X, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Y (gọi tắt là Ngân hàng Y) do ông Nguyễn Lê Khánh V đại diện trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Ngày 18/3/2022, ông Phạm Hoàng Th có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng Y, được duyệt ngày 24/3/2022 cụ thể như sau:

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng: Số thẻ 356480-9966. Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng. Lãi suất 31.2%/năm tức 2.6%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn thanh toán vào ngày 15 tây hàng tháng, vay không có tài sản đảm bảo.

Ngày 30/3/2022, ông Th rút 100.000 đồng, ngày 05/4/2022 rút 29.000.000 đồng, ngày 07/4/2022 rút 700.000 đồng, tổng cộng là 29.800.000 đồng. Ông Th đã trả cho Ngân hàng Y số tiền 2.100.000 đồng gồm ngày 30/3/2022 trả 100.000 đồng, ngày 15/6/2023 trả 1.000.000 đồng, ngày 06/7/2023 trả 1.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Th không trả thêm bất kỳ khoản tiền nào khác.

Cho đến ngày 15/9/2023, ông Th còn nợ Ngân hàng Y 52.876.609 đồng [tiền gốc 35.022.654 đồng + tiền lãi 17.853.955 đồng (lãi trong hạn là 11.902.637 đồng, lãi quá hạn là 5.951.318 đồng)]. Tổng cộng ông Th nợ tiền gốc và lãi (52.876.609 đồng – 2.000.000 đồng = 50.876.609 đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc với ông Phạm Hoàng Th yêu cầu ông có trách nhiệm thanh toán nợ vay đúng hạn. Tuy nhiên, ông Th không thanh toán. Đến nay khoản vay đã quá hạn nhưng ông vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng là vi phạm các điều khoản quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Khoản vay của ông Th là cá nhân của ông, không liên quan đến người thứ ba nào khác.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân huyện X giải quyết buộc ông Phạm Hoàng Th phải trả cho Ngân hàng Y tổng số tiền tính đến ngày 15/9/2023 là 50.876.609 đồng.

Kể từ ngày 16/9/2023, ông Phạm Hoàng Th có nghĩa vụ chịu thêm tiền lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/3/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn ông Phạm Hoàng Th trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có văn bản ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của Ngân hàng Y, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không được do ông Th vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Th không cung cấp được tài liệu thể hiện đã tất toán nợ cho Ngân hàng và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án. Ngân hàng Y cộng tiền lãi, phí vượt hạn mức,

phí trễ hạn từ tháng 5 đến tháng 8/2022 vào 29.800.000 đồng tiền gốc ông Th đã vay thành 35.022.654 đồng tiền gốc là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Y về đòi tiền gốc vay, lãi suất, phí thường niên. Bác yêu cầu của Ngân hàng Y về yêu cầu đòi ông Th trả phí vượt hạn mức, phí trễ hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Tranh chấp giữa Ngân hàng Y với ông Phạm Hoàng Th là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn ông Phạm Hoàng Th vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Phạm Hoàng Th vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Y. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện Ngân hàng Y xác định như sau:

Ông Phạm Hoàng Th đã vay tiền của Ngân hàng Y theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/3/2022. Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn 2.6%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn thanh toán vào ngày 15 tây hàng tháng (vay không có đảm bảo). Ông Th đã rút số tiền 29.800.000 đồng, đã trả được 2.100.000 đồng. Việc ông Th vay tiền không liên quan đến người thứ ba nào khác.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng Y đòi ông Phạm Hoàng Th trả 35.022.654 đồng tiền gốc:

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng Y xác định ông Th đã thực hiện tổng cộng 3 lần giao dịch với số tiền 29.800.000 đồng, cụ thể ngày 30/3/2022 rút 100.000 đồng, ngày 05/4/2022 rút 29.000.000 đồng, ngày 07/4/2022 rút 700.000 đồng. Số tiền gốc mà Ngân hàng yêu cầu ông Th trả là 35.022.654 đồng (được tính như sau: 29.800.000 đồng đã rút + tiền lãi + phí

vượt hạn mức + phí trễ hạn không trả từ ngày 15/5/2022 đến ngày 15/8/2022 + phí thanh toán thường niên).

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/3/2022 thì Ngân hàng Y duyệt hạn mức cho vay tối đa đối với ông Th là 30.000.000 đồng. Ngân hàng Y không cung cấp được tài liệu nào quy định Ngân hàng Y được cộng gộp tiền lãi, tiền phí vào trong tiền gốc 29.800.000 đồng để trở thành số tiền gốc mới. Do đó, việc Ngân hàng Y cho rằng số tiền nợ gốc của ông Th 35.022.654 đồng là không có cơ sở. Do đó, số tiền gốc mà ông Th nợ Ngân hàng Y là 29.800.000 đồng.

[2.3] Xét số tiền lãi mà Ngân hàng Y yêu cầu ông Phạm Hoàng Th trả:

Đại diện Ngân hàng Y xác định từ tháng 5 đến tháng 8/2022 quy định của Ngân hàng là không tính lãi quá hạn. Kể từ tháng 9/2022 mới tính lãi quá hạn khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ. Ông Th đã trả 2.100.000 đồng. Số tiền ông Th đã trả sẽ thứ tự ưu tiên trừ vào các loại phí, tiền lãi, tiền gốc.

Xét thấy, ông Phạm Hoàng Th đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi từ kỳ trả tiền ngày 15/5/2022 cho đến nay là vi phạm thỏa thuận của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/3/2022 đã được giao kết giữa hai bên. Ông Phạm Hoàng Th không cung cấp được tài liệu chứng cứ là đã trả hết nợ cho Ngân hàng mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần. Do đó, Ngân hàng Y khởi kiện yêu cầu ông Th trả nợ gốc là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận một phần số tiền gốc là 29.800.000 đồng.

Về lãi suất: Ngân hàng Y với ông Th đã thỏa thuận mức lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng. Tiền lãi mà ông Th phải trả cho Ngân hàng Y như sau:

Từ tháng 5/2022 đến tháng 8/2022 là: $(29.800.000 \text{ đồng} \times 2.6\%/\text{tháng} \times 4 \text{ tháng}) = 3.099.200 \text{ đồng}$.

Từ tháng 9/2022 đến tháng 9/2023 là: $(29.800.000 \text{ đồng} \times 2.6\%/\text{tháng} \times 150\% \times 13 \text{ tháng}) = 15.108.600 \text{ đồng}$.

Tổng cộng lãi: $(3.099.200 \text{ đồng} + 15.108.600 \text{ đồng}) = 18.207.800 \text{ đồng}$.

Ông Th đã trả được 2.100.000 đồng nên số tiền này được trừ vào số tiền lãi còn nợ. Ông Th còn nợ lãi Ngân hàng Y đến ngày 15/9/2023 là $(18.207.800 \text{ đồng} - 2.100.000 \text{ đồng}) = 16.107.800 \text{ đồng}$.

[2.4] Xét yêu cầu của Ngân hàng Y đòi ông Phạm Hoàng Th trả phí thường niên 299.000 đồng và phí vượt hạn mức 240.181 đồng từ tháng 5 đến tháng 8/2022:

Về phí thường niên: Theo quy định theo Điều 5 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà Nước đã quy định về

“Phí dịch vụ thẻ” nên tiền phí thường niên 299.000 đồng Ngân hàng Y yêu cầu ông Th phải chịu là có cơ sở.

Về phí vượt hạn mức: Theo đại diện Ngân hàng Y thì phí vượt hạn mức được tính từ tháng 5/2022 đến ngày 15/8/2022 (từ tháng 9/2022 thì không tính phí). Công thức tính phí vượt hạn mức từng tháng được tính như sau: [Số tiền nợ đầu kỳ (gốc, lãi, phí) x 3% x 0.075% x 30 ngày = Phí vượt hạn mức (tối thiểu phí vượt hạn mức là 50.000 đồng)]. Sau khi Hội đồng xét xử kiểm tra đối chiếu theo công thức tính phí vượt hạn mức mà Ngân hàng trình bày như trên và kết quả số tiền phí vượt hạn mức trong bảng tính ngày 15/9/2023 của Ngân hàng Y từ tháng 5 đến tháng 8/2022 là hoàn toàn khác nhau.

Ngoài ra, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/3/2022 thì Ngân hàng Y duyệt hạn mức cho vay tối đa đối với ông Th là 30.000.000 đồng. Ông Th chỉ rút 29.800.000 đồng nhưng Ngân hàng Y lại cộng tiền lãi, phí và so sánh với số tiền 30.000.000 đồng được duyệt cho vay để tính phí vượt hạn mức là không phù hợp. Do đó, không chấp nhận yêu cầu tính phí vượt hạn mức của Ngân hàng Y.

[2.5] Xét yêu cầu của Ngân hàng Y đòi ông Phạm Hoàng Th phải trả số tiền phí trễ hạn 1.024.878 đồng từ tháng 5 đến tháng 8/2022:

Theo đại diện Ngân hàng Y thì phí trễ hạn được tính từ tháng 5/2022 đến ngày 15/8/2022, (từ tháng 9/2022 thì không tính phí). Công thức tính phí trễ hạn từng tháng được tính như sau: [Số tiền nợ đầu kỳ (gốc, lãi, phí) x 6% = Phí trễ hạn (tối thiểu là 3%)]. Sau khi Hội đồng xét xử kiểm tra đối chiếu theo công thức tính và kết quả số tiền phí trễ hạn trong bảng tính ngày 15/9/2023 của Ngân hàng Y tính từ tháng 5 đến tháng 8/2022 ra kết quả hoàn toàn khác nhau.

Ngoài ra, Ngân hàng Y cũng không đưa ra được bất kỳ quy định nào thể hiện việc tính phí trễ hạn đối với khách hàng vi phạm. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu buộc ông Th trả phí trễ hạn cho Ngân hàng Y.

[2.6] Về nghĩa vụ trả nợ:

Ngân hàng Y xác định đây là khoản vay cá nhân của ông Th, không liên quan đến người thứ ba nào khác. Ngoài ra, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/3/2022 thể hiện chỉ mình cá nhân ông Th ký tên.

Từ các phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Y buộc ông Phạm Hoàng Th phải trả cho Ngân hàng Y số tiền 46.206.800 đồng gồm: Tiền gốc 29.800.000 đồng + lãi 16.107.800 đồng + phí thường niên 299.000 đồng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X.

Kể từ ngày 16/9/2023, số tiền nợ gốc 29.800.000 đồng chưa thanh toán ông Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/3/2022 cho đến khi thanh toán xong.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc ông Phạm Hoàng Th phải chịu 2.310.340 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Y phải chịu 300.000 đồng án phí trên số tiền bị bác yêu cầu (50.876.609 đồng số tiền yêu cầu - 46.206.800 đồng số tiền được chấp nhận = 4.669.809 đồng số tiền bị bác yêu cầu).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Luật các Tổ chức tín dụng;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Y về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với ông Phạm Hoàng Th.

Buộc ông Phạm Hoàng Th phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Y số tiền 46.206.800 đồng (bao gồm: tiền gốc 29.800.000 đồng + tiền lãi 16.107.800 đồng + phí thường niên 299.000 đồng).

Kể từ ngày 16/9/2023, số tiền nợ gốc 29.800.000 đồng chưa thanh toán ông Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/3/2022 cho đến khi thanh toán xong.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Y về việc yêu cầu ông Phạm Hoàng Th trả số tiền 4.669.809 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Hoàng Th phải chịu 2.310.340 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 1.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001052, ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Y 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

4. Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện X ;
- CCTHADS huyện X ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Phượng